TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN LẠC** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 6 - 2023
V/v Tranh chấp HNGĐ- Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC- TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Bùi Đình Dũng**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Bùi Thanh Xuân**, Cán bộ hưu trí huyện Tân Lạc.

2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Dung**, Giám đốc Ngân hàng AGRIBANK huyện Tân Lạc.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Thành Công**, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/11/2022 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HN&GĐ, ngày 27/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị M** sinh năm 1981.

2. Bị đơn : Anh **Bùi Văn Ph**, sinh năm 1976.

Cùng trú tại: Xóm G, xã G, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam: Người đại diện: Ông **Dương Quyết Thắng**, Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**, Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo ủy quyền lại: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng**, Phó Giám đốc.

Địa chỉ: Khu Mường Đầm, thị trấn Mãn Đức, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình;

3.2. Ông **Bùi Văn H**, sinh năm 1958 và bà **Đinh Thị N**, sinh năm 1957.

Trú tại: Xóm G, xã G, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được nộp tiền tạm ứng án phí ngày 10/11/2022, bản tự khai và quá trình tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Bùi Thị M trình bày: Chị và anh

Bùi Văn Ph, sau quá trình tự do tìm hiểu, đã tự nguyện kết hôn và về chung sống với nhau, hai gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình ngày 31/12/2001. Sau kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng cũng tại xóm G, xã G, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Ph không chịu tu chí làm ăn lại còn thường xuyên rượu chè bê tha, say sỉn rồi chửi bới đánh đập vợ con. Chị đã cố gắng tìm cách khuyên giải và nhờ người khuyên giải để anh Ph sửa đổi, bỏ bớt việc say sỉn mà chăm chỉ làm ăn, chăm lo cho gia đình vợ con. Tuy nhiên chỉ được một thời gian ngắn anh Ph lại chứng nào tật ấy. Không thể chịu đựng được năm 2006, chị ôm con về nhà ngoại sinh sống. Được một thời gian, anh Ph lên nhà xin lỗi, hứa sửa chữa và được mọi người khuyên giải. Chị lại đưa con về chung sống với anh Ph nhưng cũng chỉ được một thời gian ngắn: Anh Ph lại rượu say sỉn và lại kiếm cớ chửi bới đánh đập vợ con. Hy vọng chồng sẽ thay đổi, chị cắn răng chịu đựng nhưng càng chịu đựng thì cuộc sống vợ chồng lại càng ngột ngạt, nặng nề. Anh Ph vì quá ham mê rượu nên đã có biểu hiện loạn thần do rượu. Chị đã đề nghị xã xem xét hoàn cảnh gia đình và cấp trợ cấp cho anh; Dù thế, anh Ph càng ngày càng quá đáng những lần chửi bới đánh đập, hành hạ chị ngày càng dày thêm và có lần chị phải đi bệnh viện cấp cứu. Quá sợ hãi và thấy không còn tình cảm với chồng năm 2011 chị bỏ về bên ngoại sống. Khi cháu thứ hai Bùi Thị Khánh N, sinh năm 2009 bị bệnh một mình chị bươn chải vay mượn nợ nần để tìm mọi cách cứu con. Dù vậy nhưng vì bệnh tình quá nặng cháu thứ hai của anh chị đã chết nhưng anh Ph cũng không quan tâm đến chị và cũng không chăm lo cho con. không đóng góp chu cấp và sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị M gửi đơn yêu cầu xin được ly hôn anh Ph để giải phóng cho nhau. Về con chung: Vợ chồng còn có 01 con là Bùi Thị H, sinh ngày 03/12/2002. Hiện cháu đã trưởng thành và có thể tự lo cho bản thân. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết: ban đầu chị M kê khai các tài sản chung gồm: nhà, nhiều thửa đất đồng thời tự trị giá và đề nghị giải quyết chia theo pháp luật. Công nợ chung: Có nợ Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch Tân Lạc 60.000.000đ và đề nghị nợ chia đôi. Về án phí: Nguyên đơn xin tự nguyện chịu toàn bộ.

Tuy nhiên về sau chị M lại thay đổi quan điểm: Về tài sản chị chỉ xin lấy lại 02 mảnh đất trong đó có một mảnh đất trồng màu và một mảnh đất trồng lúa là phần đất bố mẹ chị cho chị khi chị lấy chồng, đi làm dâu hiện anh Ph đã nhập vào phần đất mang tên anh Bùi Văn Ph; Về công nợ: Vẫn là khoản nợ ấy chị xin tự mình chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ cho Ngân hàng khi đến hạn.

Về phía bị đơn anh Bùi Văn Ph đã được triệu tập ra tòa làm việc, Tòa đã báo về phiên họp tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải. Anh Ph có đến tòa nhưng khi Tòa yêu cầu tự khai thì anh không khai; yêu cầu lấy lời khai, anh có khai

nhưng khi ký văn bản, anh không hợp tác; Khi tiến hành thủ tục họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tiến hành hòa giải anh Ph có cho ý kiến, có phát biểu quan điểm và có ký vào biên bản. Tuy nhiên, những lần triệu tập làm việc sau, kể cả đến tận nhà anh để giải thích quyền và nghĩa vụ thì anh Ph không hợp tác nữa.

Chị Bùi Thị M vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và anh Bùi Văn Ph cố tình trốn tránh nên Tòa đã tiến hành thẩm định, định giá và tống đạt giấy báo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Đến ngày xét xử lần thứ nhất, anh Bùi Văn Ph vẫn không có mặt và không có lý do. Phiên tòa lần thứ nhất phải hoãn theo quy định của Pháp luật. Đến phiên tòa lần thứ hai. Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc cũng đã tiến hành tống đạt giấy báo cũng như quyết định hoãn phiên tòa đồng thời ấn định ngày xử tiếp theo và tống đạt cho anh Bùi Văn Ph theo pháp luật: Tuy nhiên, đến ngày xét xử, anh Bùi Văn Ph vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy: Anh Bùi Văn Ph đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bản thân.

Nguyên đơn, chị Bùi Thị M vẫn giữ nguyên quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đưa ra quan điểm: Tòa án đã tiến hành tống đạt theo đúng các thủ tục theo quy định. Bị đơn lần thứ hai vẫn không có mặt không có lý do nhưng theo quy định tại điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là có cơ sở. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị M là phù hợp với tài liệu đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Việc kết hôn của chị M và anh Ph là tự nguyện và hợp pháp; mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu và đã ở mức độ trầm trọng nên đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và xử cho chị M được ly hôn anh Ph. Về con chung: Hiện vợ chồng còn có 01 con là Bùi Thị H, sinh ngày 03/12/2002. Hiện cháu đã trưởng thành và có thể tự lo cho bản thân nên không đặt vấn đề phải nuôi dưỡng, chu cấp hay giáo dục. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập. Tuy nhiên có phần tài sản riêng của chị Bùi Thị M là 02 mảnh ruộng do bố mẹ chị cho chị khi đi lấy chồng. Đây là phần tài sản được bố mẹ vợ tặng cho nhưng chị M đã nhập vào tài sản chung. Tuy nhiên hiện vợ chồng Ph M có 10 thửa đất nên chị M chỉ xin lại 02 thửa mà bố mẹ đẻ cho là có căn cứ, cần tuyên trả lại cho chị M là phù hợp. Về công nợ chung: Có nợ Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch Tân Lạc 60.000.000đ: Chị M tự nguyện chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khi đến hạn. Đây là sự tự nguyện của đương sự, cần ghi nhận là phù hợp. Về trách nhiệm nộp án phí, lệ phí: Chị M cũng xin tự nguyện chịu: Cần áp dụng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận sự tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: - Quan hệ pháp luật tòa án giải quyết là tranh chấp về ly hôn. Nguyên đơn là là chị Bùi Thị M và bị đơn anh Bùi Văn Ph cùng trú tại xóm G, xã G, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình nên chị M khởi kiện vụ án, Tòa xác định chị là nguyên đơn. Anh Ph là người bị khởi kiện là bị đơn là đúng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, theo quy định tại Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn Ph chung sống và kết hôn với nhau tháng 2/2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn chủ yếu do anh Ph thiếu trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng xung đột khiến cuộc sống gia đình bức bách, nặng nề. Anh Ph không chịu khó làm kinh tế gia đình mà chỉ suốt ngày rượu say sỉn và cũng không quan tâm đến vợ con; Chị buộc phải đứng đầu sóng gió lo cho gia đình chồng con; Hết làm nông lại đi làm thuê, sinh sống, làm việc những mong anh Ph sớm tu tỉnh, sửa đổi để đoàn tụ gia đình nhưng anh Ph vẫn không quan tâm đoái hoài đến gia đình, vợ, con; Vợ chồng ly thân từ năm 2011 đến nay, xác định: Tình cảm vợ chồng không còn, để đảm bảo cho tương lai chị có yêu cầu xin được ly hôn anh Bùi Văn Ph.

Xét hôn nhân giữa chị Bùi Thị M và anh Bùi Văn Ph từ sau khi kết hôn được một thời gian ngắn vợ chồng đã thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, bất hòa không thể hòa hợp, anh Ph không có giải pháp gì để chị M tin tưởng mà yên tâm chung sống để có một gia đình hạnh phúc, cả hai đã sống ly thân từ năm 2011 mỗi người một nơi, không còn khả năng hàn gắn. Căn cứ tình trạng thực tế thì hôn nhân giữa vợ và chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn để xử cho chị Bùi Thị M được ly hôn anh Bùi Văn Ph là cần thiết, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3]Về con chung: Hiện vợ chồng còn có 01 con là Bùi Thị H, sinh ngày 03/12/2002. Hiện cháu đã trưởng thành và có thể tự lo cho bản thân nên không đặt vấn đề phải nuôi dưỡng, chu cấp hay giáo dục.

[4]Về tài sản chung: Có nhà xây cấp IV và 10 thửa đất mang tên Bùi Văn Ph và Bùi Thị M. Tuy nhiên chị M không yêu cầu chia tài sản chung mà chỉ yêu cầu lấy lại 02 mảnh đất trong đó có một mảnh đất trồng màu và một mảnh đất trồng lúa là phần đất bố mẹ chị cho chị khi chị lấy chồng, đi làm dâu hiện anh Ph đã nhập vào phần đất mang tên anh Bùi Văn Ph. Qua lấy lời khai của ông bà: Bùi Văn H và Đinh Thị N - bố mẹ chị M thì ông bà có thừa nhận cho chị M 02 mảnh đất trên để làm vốn khi đi làm dâu. Nay vợ chồng không sống được với nhau, chị M xin lại phần đất này là phù hợp; Qua điều tra: Ông trưởng xóm G cũng xác nhận 02 thửa đất này của bố mẹ chị M cho khi đi làm dâu, nay vợ chồng ly hôn chị M xin lấy lại là có cơ sở. Qua xác minh tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tân Lạc

thấy: Phần tài liệu lưu trữ về việc tặng cho này không còn lưu giữ được nên đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo pháp luật. Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định: Trước đây 02 thửa đất này thuộc quyền quản lý và sử dụng của ông bà: Bùi Văn H và Đinh Thị N, bố mẹ chị M. Năm 2011, vợ chồng M Ph làm thủ tục nhập và năm 2013 được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Bùi Văn Ph. Đây là phần tài sản riêng được bố mẹ vợ tặng cho trong khối đất chung của vợ chồng có 10 mảnh nên việc chị M chỉ xin lại 02 miếng thì thấy yêu cầu này có cơ sở: Cần tuyên trả lại cho chị M là có căn cứ.

Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch Tân Lạc 60.000.000đ. Chị Bùi Thị M xin tự mình chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ cho Ngân hàng khi đến hạn. Đây là sự tự nguyện của đương sự, cần ghi nhận là phù hợp.

[5]Về án phí: Chị Bùi Thị M tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản phần ruộng theo quy định của pháp luật. Đồng thời tự nguyện chịu chi phí thẩm định, định giá (Đã chi cho hội đồng).

Phần đất ruộng theo giá nhà nước quy định tại quyết định 48/2021/Q Đ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh Hòa Bình thì giá đất ruộng tại Gia Mô. Với vị trí 1 giá 55.000 đ/$m^{2.}$ Và vị trí 2 giá 45.000 đ/$m^{2.}$. Như vậy : 300,5m^2 + 230,2m^2 = 530,7$m^{2.}$

530,7m^2 x 45.000 đ/m^2 = 23.880.000đ x 5% = 1.190.000 đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 58, điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] -Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Bùi Thị M được ly hôn với anh Bùi Văn Ph.

[2]- Về tài sản chung : Tuyên mảnh đất thuộc thửa số 335 , tờ bản đồ số 17 , diện tích sử dụng 300,5m^2 đang nằm trong GCNQSDĐ số BR 757788 tại xóm B, xã G mang tên hộ ông Bùi Văn Ph được UBND huyện Tân Lạc cấp ngày 29/11/2013 và mảnh đất thuộc thửa số 328 , tờ bản đồ số 11 , diện tích sử dụng 230,2m^2 đang nằm trong GCNQSDĐ số BR 757787 tại xóm B, xã G mang tên hộ ông Bùi Văn Ph được UBND huyện Tân Lạc cấp ngày 29/11/2013 thuộc quyền sở hữu của chị Bùi Thị M. Chị Bùi Thị M có trách nhiệm tự làm thủ tục tách GCNQSDĐ sang tên mình và tự chịu các chi phí tách.

[3]- Về công nợ: Buộc chị Bùi Thị M phải tự mình chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ 60.000.000đ và lãi suất cho Ngân hàng Chính sách xã hội Tân Lạc khi đến hạn.

[4]- Về án phí: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 1.190.000 đ (*Một triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, Tổng 1.490.000đ. Được khấu trừ vào số tiền 12.050.000đ (*Mười hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Tân Lạc theo biên lai số: 0003040 ngày 10/11/2022. Nay được hoàn lại 10.560.000đ (*Mười triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp.

Chị Bùi Thị M tự nguyện chịu chi phí thẩm định, định giá (Đã chi cho Hội đồng theo quy định của pháp luật)

[5]- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả xét xử hoặc kết quả bản án được niêm yết

Án xử sơ thẩm công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSNDtỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- THA huyện Tân Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã G-Tân Lạc;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Đình Dũng